

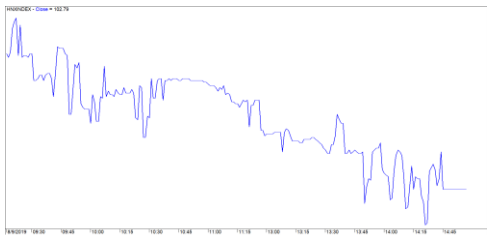
Diễn biến thị trường trong phiên			
Rating	VNI	HNI	UPCOM
Điểm	974.34	102.79	58.43
% ngày	-0.09%	-0.11%	0.12%
% tuần	-1.69%	-0.88%	-0.26%
% tháng	0.55%	-2.20%	4.56%
% năm	1.13%	-4.65%	13.52%
GTGD (Tỷ VND)			
Trong ngày	4,568	411	542
TB 1 tuần	5,283	430	553
TB 1 tháng	4,221	424	414
Khối ngoại (Tỷ VND)			
Mua	352.83	6.61	29.30
Bán	454.99	34.70	35.67
Giá trị ròng	-102.16	-28.09	-6.37
Độ rộng TT			
Mã Tăng	146	78	204
Mã Giảm	132	60	121
Không Đổi	110	229	568
Chỉ số chính			
P/E	16.40	9.24	19.71
Vốn hóa TT (ngàn tỷ)	3,298	189	1,051
LS Cổ tức	1.77%	2.88%	6.10%

Nguồn: Bloomberg – YSVN

VNINDEX



HNIINDEX



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

VN-Index điều chỉnh sau phiên hồi phục mạnh liền trước, chỉ số đóng cửa giảm 0.09% dừng tại 974.34 điểm trong khi chỉ số HNX-Index cũng giảm 0.11% dừng tại 102.79 điểm, chỉ số Upcom-Index ngược lại tăng 0.12% neo tại 58.43 điểm. Giá trị giao dịch trên cả 3 sàn duy trì ở mức khá khi đạt 3,757 tỷ đồng khớp lệnh.

Thị trường giao dịch âm ảm trong đó nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn có dấu hiệu suy yếu về cuối phiên là nguyên nhân khiến VN-Index giảm điểm. Nhóm cổ phiếu họ Vingroup phát đi tín hiệu điều chỉnh khi VIC, VHM, VRE đều đóng cửa trong sắc đỏ trong khi SAB, VCB cũng cùng chiều giảm giá. VN30-Index diễn biến tích cực hơn nhờ một số bluechip khá mạnh như HDB(+5.2%), SSI(+3.8%), DPM(+2.2%), MWG(+2.6%) với mức tăng ấn tượng.

Đồng thời, nhóm cổ phiếu giảm sâu thời gian vừa qua cũng có phiên hồi phục mạnh như DXG(+7%), DRC(+4.9%), VSC(+4.2%), BFC(+7%), HAR(+6.7%)...Nhóm Bất động sản vốn hóa vừa giao dịch tích cực nhất thị trường với một số cái tên như SCR(+4.5%), DXG(+7%), NLG(+3.3%), LDG(+2.6%), DRH(+3.5%).

Khối ngoại có phiên bán ròng thứ 7 liên tiếp với giá trị hơn 136 tỷ đồng trên cả ba sàn. Trong đó, E1VFN30 và VJC dẫn đầu danh sách bán ròng hơn 43 tỷ mỗi mã. Ở chiều mua, HDB(30 tỷ), VRE(14 tỷ) là những mã được mua ròng tích cực nhất.

QUAN ĐIỂM THỊ TRƯỜNG NGẮN HẠN

Chúng tôi cho rằng thị trường có thể sẽ biến động trong vùng giá 965.5 – 980 điểm của chỉ số VN-Index trong tuần giao dịch tới. Đồng thời, thị trường vẫn đang trong giai đoạn hồi phục kỹ thuật và dòng tiền vẫn đang có sự luân chuyển giữa các nhóm cổ phiếu, đặc biệt nhóm cổ phiếu Midcaps, Smallcaps và sàn Upcom vẫn đang thu hút dòng tiền ngắn hạn. Ngoài ra, tỷ trọng cổ phiếu tiếp tục tăng nhẹ cho thấy nhà đầu tư cũng có cơ hội giải ngân ngắn hạn.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì mức GIẢM xu hướng ngắn hạn trên hai chỉ số với mức kháng cự ở mức 983.07 điểm của chỉ số VN-Index và 104.36 điểm của chỉ số HNX-Index. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn nên chú ý vào xu hướng ở từng cổ phiếu để tìm kiếm cơ hội giải ngân mới.

Xu hướng trung hạn vẫn chưa rõ ràng và có sự phân hóa giữa các nhóm cổ phiếu. Đồng thời, tỷ trọng cổ phiếu không thay đổi. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư trung hạn có thể tiếp tục nắm giữ tỷ trọng cổ phiếu ở mức hiện tại.

Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn: 45% cổ phiếu/55% tiền.

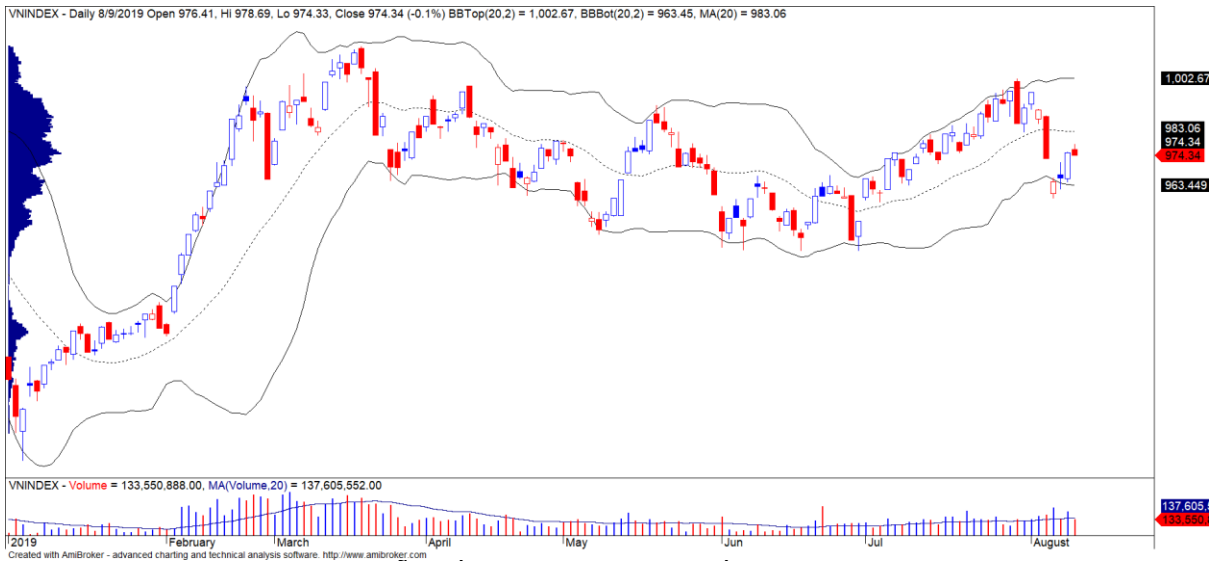
Tỷ trọng khuyến nghị trung hạn: 45% cổ phiếu/55% tiền.

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).

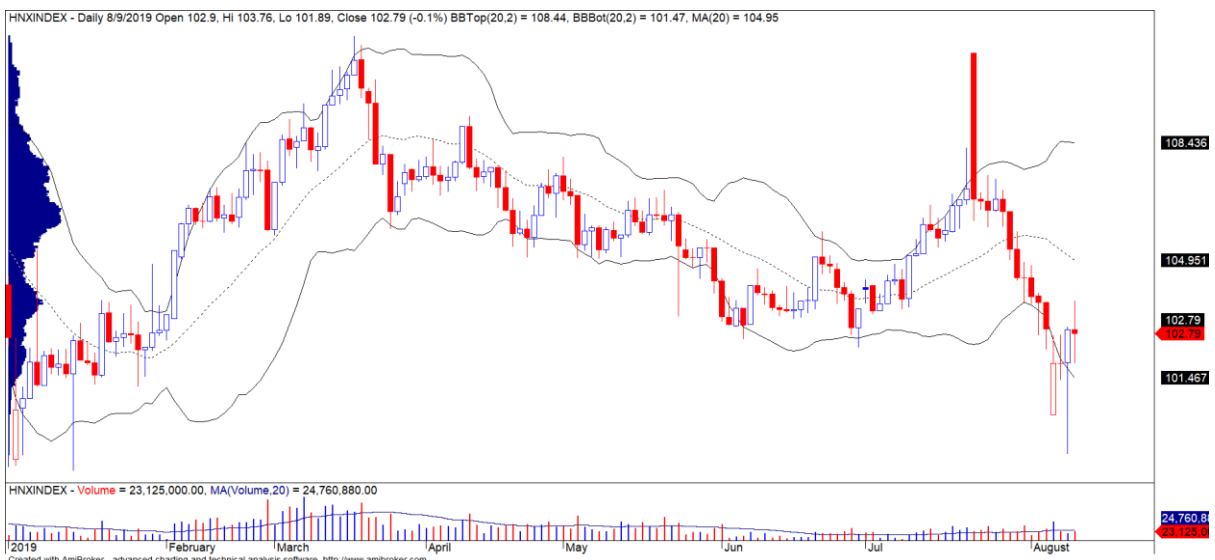


We Create Fortune

BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

Chỉ số	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	GIẢM	TĂNG	1,000	1,025	965	953
Chỉ số HNX-Index	GIẢM	GIẢM	108	110	105	101
Chỉ số VN30	GIẢM	TĂNG	895	935	877	863
Chỉ số VNMidcaps	TĂNG	TĂNG	992	1,030	969	963
Chỉ số VNSmallcaps	GIẢM	TĂNG	835	845	822	804

We Create Fortune

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	17.60	GIẢM	TĂNG		18.14			16.85	17.01	4.45%	
ACB	21.90	GIẢM	GIẢM		22.49				24.18		
ACV	84.90	TĂNG	TĂNG	85.80	80.37	-1.05%		90.00	81.77	-5.67%	
ANV	25.40	GIẢM	GIẢM		26.06				29.78		
ASM	6.22	GIẢM	GIẢM		6.42				7.23		
BFC	15.90	TĂNG	GIẢM	15.90	15.82	0.00%	MUA		19.02		
BID	34.70	TĂNG	TĂNG	32.65	34.17	6.28%		33.40	31.96	3.89%	
BMP	51.90	TĂNG	TĂNG	52.30	47.86	-0.76%		48.30	44.48	7.45%	
BSR	9.90	GIẢM	GIẢM		10.66				12.79		
BVH	78.00	GIẢM	TĂNG		80.37			85.40	76.69	-8.67%	
BWE	26.70	GIẢM	TĂNG		26.83			20.00	25.45	33.50%	
CEO	10.40	GIẢM	GIẢM		10.71				11.33		
CII	21.05	GIẢM	GIẢM		22.08				23.47		
CMG	38.00	GIẢM	TĂNG		39.48			23.20	34.35	63.79%	
CMX	28.30	GIẢM	TĂNG		31.46			5.91	22.80	378.85%	
CSM	15.40	TĂNG	TĂNG	15.40	15.06	0.00%	MUA	14.39	14.22	7.02%	
CTD	105.30	GIẢM	TĂNG		115.11			112.70	99.66	-6.57%	
CTG	20.50	GIẢM	GIẢM		20.90				22.80		
CTI	23.00	GIẢM	GIẢM		23.32				24.73		
CTR	57.10	TĂNG	N/A	28.80	49.24	98.26%		-	N/A		
CVT	19.15	GIẢM	TĂNG		19.69			20.35	18.32	-5.90%	
DCM	8.10	GIẢM	GIẢM		8.20				8.53		
DGC	31.00	TĂNG	TĂNG	31.30	30.78	-0.96%		31.90	27.79	-2.82%	
DGW	22.60	GIẢM	TĂNG		22.88			23.50	21.23	-3.83%	
DHA	35.30	TĂNG	TĂNG	32.25	34.92	9.46%		29.10	32.95	21.31%	
DHC	34.75	TĂNG	TĂNG	36.00	34.32	-3.47%		35.20	33.00	-1.28%	
DHG	97.00	GIẢM	GIẢM		98.87				109.20		
DIG	12.85	GIẢM	GIẢM		13.30				14.54		
DPG	48.00	TĂNG	TĂNG	39.40	45.03	21.83%		40.02	38.52	19.95%	
DPM	14.05	GIẢM	GIẢM		14.19				16.26		
DPR	46.30	TĂNG	TĂNG	45.50	43.85	1.76%		42.50	40.21	8.94%	
DQC	18.10	GIẢM	GIẢM		18.87				20.27		
DRC	20.45	TĂNG	GIẢM	20.45	19.94	0.00%	MUA		20.88		
DXG	16.15	TĂNG	GIẢM	16.15	16.12	0.00%	MUA		20.07		

We Create Fortune

EIB	17.70	GIẢM	TĂNG		18.45			14.70	16.88	20.41%	
FCN	13.00	GIẢM	GIẢM		13.61			16.05	13.18	-17.87%	
FMC	29.80	TĂNG	GIẢM	28.95	29.48	2.94%			30.62		
FPT	51.10	TĂNG	TĂNG	45.20	48.65	13.05%		46.00	45.47	11.09%	
GAS	101.30	GIẢM	GIẢM		106.46				113.06		
GEX	23.25	TĂNG	TĂNG	22.20	22.41	4.73%			23.15		
GIL	23.90	GIẢM	GIẢM		25.09				27.81		
GMD	27.70	TĂNG	GIẢM	26.55	26.09	4.33%			27.99		
GTN	19.65	TĂNG	TĂNG	18.80	18.27	4.52%		15.00	16.37	31.00%	
GVR	16.40	TĂNG	N/A	13.50	15.21	21.48%			N/A		
HAG	5.05	GIẢM	GIẢM		5.14				5.62		
HAX	18.80	GIẢM	TĂNG		19.37			15.75	17.24	19.37%	
HBC	14.00	TĂNG	GIẢM	14.25	13.21	-1.75%			15.82		
HCM	20.20	GIẢM	GIẢM		21.02				24.43		
HDB	26.30	TĂNG	GIẢM	26.30	25.64	0.00%	MUA		28.17		
HDC	18.65	TĂNG	TĂNG	15.25	17.55	22.30%		15.25	14.22	22.30%	
HDG	36.70	TĂNG	TĂNG	32.70	35.12	12.23%		35.30	32.26	3.97%	
HNG	18.25	TĂNG	TĂNG	18.35	17.29	-0.54%		17.10	16.59	6.73%	
HPG	23.10	TĂNG	GIẢM	23.30	21.39	-0.86%			23.96		
HSG	6.90	GIẢM	GIẢM		7.14			9.30	7.01	-24.57%	
HT1	15.20	GIẢM	GIẢM		15.74			14.80	15.47	4.49%	
HUT	2.40	TĂNG	GIẢM	2.40	2.37	0.00%	MUA		2.97		
HVN	39.35	GIẢM	TĂNG		40.75			39.00	38.75	0.90%	
KBC	15.55	TĂNG	TĂNG	16.00	15.21	-2.81%		15.35	14.17	1.30%	
KDH	23.60	TĂNG	GIẢM	22.90	22.39	3.06%			23.94		
KSB	24.90	TĂNG	TĂNG	22.95	22.48	8.50%			24.78		
LCG	9.80	GIẢM	GIẢM		10.25				11.41		
LDG	7.97	TĂNG	GIẢM	8.18	7.63	-2.57%			9.15		
LHG	18.60	TĂNG	TĂNG	18.70	17.94	-0.53%		19.30	17.32	-3.63%	
LPB	7.80	GIẢM	GIẢM		8.21				8.51		
LSS	5.28	TĂNG	GIẢM	5.39	5.01	-2.04%			5.84		
MBB	21.45	GIẢM	TĂNG		22.16			21.85	20.88	-1.83%	
MPC	35.30	TĂNG	GIẢM	35.70	34.99	-1.12%			40.20		
MSN	76.10	GIẢM	GIẢM		77.30				86.73		
MSR	16.60	GIẢM	GIẢM		17.55				19.98		
MWG	115.90	TĂNG	TĂNG	110.00	108.36	5.36%		88.70	99.40	30.67%	
NDN	18.50	TĂNG	TĂNG	14.10	17.39	31.21%		13.70	14.96	35.04%	
NKG	6.20	GIẢM	GIẢM		6.31				6.85		
NLG	31.60	TĂNG	TĂNG	29.90	29.85	5.69%		28.70	27.99	10.10%	

We Create Fortune

NT2	24.35	GIẢM	GIẢM		25.05				27.42		
NTL	26.90	TĂNG	TĂNG	22.95	25.33	17.21%		10.45	22.13	157.42%	
NVL	60.00	GIẢM	GIẢM		60.25				62.33		
OIL	11.70	TĂNG	GIẢM	11.70	11.48	0.00%	MUA		12.38		
PAC	30.00	GIẢM	GIẢM		31.48				35.54		
PC1	16.75	GIẢM	GIẢM		16.82				19.29		
PDR	26.80	TĂNG	TĂNG	24.10	26.44	11.20%		29.00	25.01	-7.59%	
PHR	75.30	TĂNG	TĂNG	61.20	71.53	23.04%		24.00	60.96	213.75%	
PLX	62.20	GIẢM	TĂNG		64.11			62.40	59.59	-0.32%	
PNJ	84.20	TĂNG	TĂNG	77.00	81.99	9.35%		104.00	72.08	-19.04%	
POW	13.45	GIẢM	GIẢM		14.13			15.70	13.92	-11.37%	
PVT	18.70	TĂNG	TĂNG	17.45	17.36	7.16%		18.30	16.20	2.19%	MUA
PPC	25.35	GIẢM	GIẢM		26.30				30.18		
PTB	69.70	TĂNG	TĂNG	69.70	68.09	0.00%	MUA	64.00	64.57	8.91%	
PVB	21.90	TĂNG	TĂNG	20.20	20.45	8.42%		20.10	17.72	8.96%	
PVD	16.10	GIẢM	GIẢM		16.31			18.50	16.14	-12.73%	
PVI	38.10	TĂNG	GIẢM	38.10	37.35	0.00%	MUA		39.70		
PVS	20.80	GIẢM	GIẢM		21.77			21.10	21.47	1.74%	
PXS	6.02	TĂNG	TĂNG	5.70	5.61	5.61%		4.85	5.02	24.12%	
QNS	30.20	GIẢM	TĂNG		30.80			33.80	28.22	-10.65%	
REE	34.40	TĂNG	TĂNG	34.00	31.43	1.18%		33.33	31.19	3.22%	
SAB	275.70	GIẢM	TĂNG		286.92			245.00	259.03	12.53%	
SAM	7.72	GIẢM	TĂNG		8.10			7.40	7.69	4.32%	
SCR	6.90	GIẢM	GIẢM		6.90				7.47		
SHI	8.67	TĂNG	TĂNG	8.39	8.03	3.34%		6.99	7.47	24.03%	
SJS	17.65	GIẢM	GIẢM		17.86			-	19.89		
SKG	11.45	GIẢM	GIẢM		11.79				12.61		
SSI	22.00	GIẢM	GIẢM		22.37				25.82		
STB	10.35	GIẢM	GIẢM		10.81				11.77		
TCB	20.20	GIẢM	GIẢM		20.75				22.76		
TCM	25.50	TĂNG	GIẢM	26.30	25.15	-3.04%			28.96		
TDH	9.15	GIẢM	GIẢM		9.35			11.65	9.17	-21.29%	
TLH	4.65	TĂNG	GIẢM	4.75	4.49	-2.11%		5.85	5.16	-11.73%	BÁN
TNG	18.50	GIẢM	GIẢM		20.01			12.00	18.79	56.57%	
VCB	78.50	GIẢM	TĂNG		79.78			62.00	73.39	26.61%	
VCG	26.50	TĂNG	TĂNG	27.00	25.73	-1.85%		19.20	24.08	38.02%	
VCS	85.60	TĂNG	TĂNG	81.10	80.48	5.55%		68.00	68.25	25.88%	
VGC	19.25	GIẢM	GIẢM		19.83				20.64		
VGT	9.40	GIẢM	GIẢM		9.71				10.83		



We Create Fortune

VHC	85.00	GIẢM	GIẢM		86.52			95.80		
VHM	84.00	GIẢM	TĂNG		87.86		90.20	76.55	-6.87%	MUA
VIB	20.00	TĂNG	TĂNG	17.00	18.90	17.65%	17.70	17.06	12.99%	
VIC	120.20	GIẢM	TĂNG		122.89		112.00	113.20	7.32%	
VIP	5.00	GIẢM	GIẢM		5.17			5.62		
VJC	131.70	GIẢM	TĂNG		132.68		124.50	124.10	5.78%	
VND	14.60	GIẢM	GIẢM		15.08			16.18		
VNG	18.15	GIẢM	GIẢM		19.31			21.18		
VNM	121.00	GIẢM	GIẢM		123.20			132.64		
VPB	19.00	GIẢM	GIẢM		19.05			19.82		
VPI	42.05	TĂNG	GIẢM	42.20	41.05	-0.36%		42.86		
VRC	15.10	TĂNG	GIẢM	15.30	14.39	-1.31%		16.26		
VRE	35.50	GIẢM	TĂNG		36.58		35.00	33.61	1.43%	
VSC	29.80	TĂNG	GIẢM	28.60	26.04	4.20%		32.28		

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU LARGECAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
ACB	21.90	GIẢM	GIẢM		22.49				24.18		
BID	34.70	TĂNG	TĂNG	32.65	34.17	6.28%		33.40	31.96	3.89%	
BSR	9.90	GIẢM	GIẢM		10.66				12.79		
BVH	78.00	GIẢM	TĂNG		80.37			85.40	76.69	-8.67%	
CTG	20.50	GIẢM	GIẢM		20.90				22.80		
EIB	17.70	GIẢM	TĂNG		18.45			14.70	16.88	20.41%	
FPT	51.10	TĂNG	TĂNG	45.20	48.65	13.05%		41.00	45.47	24.64%	
GAS	101.30	GIẢM	GIẢM		106.46				113.06		
HDB	26.30	TĂNG	GIẢM	26.30	25.64	0.00%	MUA		28.17		
HNG	18.25	TĂNG	TĂNG	18.35	17.29	-0.54%		17.10	16.59	6.73%	
HPG	23.10	TĂNG	GIẢM	23.30	21.39	-0.86%			23.96		
HVN	39.35	GIẢM	TĂNG		40.75			39.00	38.75	0.90%	
KDH	23.60	TĂNG	GIẢM	22.90	22.39	3.06%			23.94		
MBB	21.45	GIẢM	TĂNG		22.16			21.27	20.88	0.84%	
MSN	76.10	GIẢM	GIẢM		77.30				86.73		
MWG	115.90	TĂNG	TĂNG	110.00	108.36	5.36%		88.70	99.40	30.67%	
NVL	60.00	GIẢM	GIẢM		60.25				62.33		
OIL	11.70	TĂNG	GIẢM	11.70	11.48	0.00%	MUA		12.38		
PLX	62.20	GIẢM	TĂNG		64.11			59.97	59.59	3.72%	

We Create Fortune

PNJ	84.20	TĂNG	TĂNG	77.00	81.99	9.35%		77.88	72.08	8.11%	
POW	13.45	GIẢM	GIẢM		14.13			15.70	13.92	-11.37%	
PVS	20.80	GIẢM	GIẢM		21.77			21.10	21.47	1.74%	
QNS	30.20	GIẢM	TĂNG		30.80			33.80	28.22	-10.65%	
REE	34.40	TĂNG	TĂNG	34.00	31.43	1.18%		33.33	31.19	3.22%	
ROS	27.10	TĂNG	GIẢM	28.50	25.52	-4.91%		34.80	27.33	-21.48%	
SSI	22.00	GIẢM	GIẢM		22.37				25.82		
STB	10.35	GIẢM	GIẢM		10.81				11.77		
TCB	20.20	GIẢM	GIẢM		20.75				22.76		
TPB	22.60	GIẢM	GIẢM		22.88				N/A		
VCB	78.50	GIẢM	TĂNG		79.78			62.00	73.39	26.61%	
VCG	26.50	TĂNG	TĂNG	27.00	25.73	-1.85%		18.44	24.08	43.70%	
VEA	58.00	GIẢM	GIẢM		61.53				N/A		
VGI	35.10	TĂNG	GIẢM	29.50	32.57	18.98%			N/A		
VHM	84.00	GIẢM	TĂNG		87.86			90.20	76.55	-6.87%	MUA
VIB	20.00	TĂNG	TĂNG	17.00	18.90	17.65%		17.70	17.06	12.99%	
VIC	120.20	GIẢM	TĂNG		122.89			112.00	113.20	7.32%	
VJC	131.70	GIẢM	TĂNG		132.68			124.50	124.10	5.78%	
VNM	121.00	GIẢM	GIẢM		123.20				132.64		
VPB	19.00	GIẢM	GIẢM		19.05				19.82		
VRE	35.50	GIẢM	TĂNG		36.58			34.00	33.61	4.42%	

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU MIDCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	17.60	GIẢM	TĂNG		18.14			16.85	17.01	4.45%	
ANV	25.40	GIẢM	GIẢM		26.06				29.78		
ASM	6.22	GIẢM	GIẢM		6.42				7.23		
BMP	51.90	TĂNG	TĂNG	52.30	47.86	-0.76%		48.30	44.48	7.45%	
BWE	26.70	GIẢM	TĂNG		26.83			19.44	25.45	37.35%	
C4G	8.10	GIẢM	GIẢM		8.62			-	9.96		
CEO	10.40	GIẢM	GIẢM		10.71				11.33		
CII	21.05	GIẢM	GIẢM		22.08				23.47		
CRE	24.80	GIẢM	GIẢM		25.45			-	26.06		
CTI	23.00	GIẢM	GIẢM		23.32				24.73		
CTR	57.10	TĂNG	#N/A	28.80	49.24	98.26%		-	#N/A		
DCM	8.10	GIẢM	GIẢM		8.20				8.53		

We Create Fortune

DHC	34.75	TĂNG	TĂNG	36.00	34.32	-3.47%		35.20	33.00	-1.28%	
DIG	12.85	GIẢM	GIẢM		13.30				14.54		
DPM	14.05	GIẢM	GIẢM		14.19				16.26		
DRC	20.45	TĂNG	GIẢM	20.45	19.94	0.00%	MUA		20.88		
DXG	16.15	TĂNG	GIẢM	16.15	16.12	0.00%	MUA		20.07		
E1VFN30	14.56	GIẢM	GIẢM		14.61				15.16		
FCN	13.00	GIẢM	GIẢM		13.61			16.05	13.18	-17.87%	
FLC	4.18	TĂNG	GIẢM	3.99	3.89	4.76%			4.49		
FTM	24.20	GIẢM	TĂNG		24.56			16.25	22.18	48.92%	
GEG	29.10	TĂNG	TĂNG	22.80	25.85	27.63%		12.90	22.56	125.58%	
GEX	23.25	TĂNG	TĂNG	22.20	22.41	4.73%			23.15		
GMD	27.70	TĂNG	GIẢM	26.55	26.09	4.33%			27.99		
GTN	19.65	TĂNG	TĂNG	18.80	18.27	4.52%		15.00	16.37	31.00%	
GVR	16.40	TĂNG	#N/A	13.50	15.21	21.48%		-	#N/A		
HAG	5.05	GIẢM	GIẢM		5.14				5.62		
HBC	14.00	TĂNG	GIẢM	14.25	13.21	-1.75%			15.82		
HCM	20.20	GIẢM	GIẢM		21.02				24.43		
HDG	36.70	TĂNG	TĂNG	32.70	35.12	12.23%		35.30	32.26	3.97%	
HPX	26.60	TĂNG	#N/A	26.60	26.06	0.00%		-	#N/A		
HSG	6.90	GIẢM	GIẢM		7.14			8.45	7.01	-17.01%	
HT1	15.20	GIẢM	GIẢM		15.74			14.80	15.47	4.49%	
IBC	21.20	TĂNG	TĂNG	20.90	21.18	1.44%		24.90	20.15	-14.86%	
IDI	6.23	GIẢM	GIẢM		6.59				7.70		
IJC	13.85	TĂNG	TĂNG	11.35	13.07	22.03%		13.10	10.49	5.73%	MUA
ITA	3.48	TĂNG	TĂNG	3.17	3.35	9.78%		3.20	2.83	8.75%	
KBC	15.55	TĂNG	TĂNG	16.00	15.21	-2.81%		15.35	14.17	1.30%	
KSB	24.90	TĂNG	TĂNG	22.95	22.48	8.50%			24.78		
LDG	7.97	TĂNG	GIẢM	8.18	7.63	-2.57%			9.15		
LPB	7.80	GIẢM	GIẢM		8.21				8.51		
MBS	15.40	GIẢM	TĂNG		16.50			16.00	14.25	-3.75%	
MPC	35.30	TĂNG	GIẢM	35.70	34.99	-1.12%			40.20		
NBB	20.95	GIẢM	TĂNG		22.09			21.50	19.30	-2.56%	
NKG	6.20	GIẢM	GIẢM		6.31				6.85		
NLG	31.60	TĂNG	TĂNG	29.90	29.85	5.69%		28.70	27.99	10.10%	
NT2	24.35	GIẢM	GIẢM		25.05				27.42		
NTC	185.50	GIẢM	TĂNG		195.33			120.00	161.01	54.58%	
NTL	26.90	TĂNG	TĂNG	22.95	25.33	17.21%		9.33	22.13	188.28%	
NVB	7.60	GIẢM	GIẢM		7.98				8.72		

We Create Fortune

OGC	3.97	GIẢM	GIẢM		4.06				4.56		
PC1	16.75	GIẢM	GIẢM		16.82				19.29		
PDR	26.80	TĂNG	TĂNG	24.10	26.44	11.20%		23.60	25.01	13.58%	
PHR	75.30	TĂNG	TĂNG	61.20	71.53	23.04%		22.86	60.96	229.33%	
PPC	25.35	GIẢM	GIẢM		26.30				30.18		
PTB	69.70	TĂNG	TĂNG	69.70	68.09	0.00%	MUA	60.78	64.57	14.68%	
PVD	16.10	GIẢM	GIẢM		16.31			18.50	16.14	-12.73%	
PVI	38.10	TĂNG	GIẢM	38.10	37.35	0.00%	MUA		39.70		
PVT	18.70	TĂNG	TĂNG	17.45	17.36	7.16%		18.30	16.20	2.19%	MUA
QCG	4.47	TĂNG	GIẢM	4.62	4.35	-3.25%			5.32		
SAM	7.72	GIẢM	TĂNG		8.10			7.40	7.69	4.32%	
SBT	16.00	GIẢM	GIẢM	16.75	16.12	-3.74%	BÁN		17.67		
SCR	6.90	GIẢM	GIẢM		6.90				7.47		
SHB	6.40	GIẢM	GIẢM		6.76				7.30		
SHS	8.70	GIẢM	GIẢM		8.94			10.55	10.14	-3.86%	BÁN
SJS	17.65	GIẢM	GIẢM		17.86				19.89		
STK	21.30	GIẢM	TĂNG		22.71			17.00	21.12	25.29%	
SZC	25.30	TĂNG	#N/A	20.45	24.03	23.72%		-	#N/A		
TCH	23.00	TĂNG	TĂNG	22.05	21.41	4.31%			22.45		
TCM	25.50	TĂNG	GIẢM	26.30	25.15	-3.04%			28.96		
TNG	18.50	GIẢM	GIẢM		20.01			12.00	18.79	56.57%	
TTB	24.45	TĂNG	TĂNG	22.60	24.09	8.19%		24.50	22.23	-0.20%	MUA
VCI	33.60	TĂNG	GIẢM	32.30	32.11	4.02%			35.72		
VGT	9.40	GIẢM	GIẢM		9.71				10.83		
VHC	85.00	GIẢM	GIẢM		86.52				95.80		
VND	14.60	GIẢM	GIẢM		15.08				16.18		
VNG	18.15	GIẢM	GIẢM		19.31				21.18		
VPI	42.05	TĂNG	GIẢM	42.20	41.05	-0.36%			42.86		

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU SMALLCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAV	11.00	TĂNG	#N/A	9.40	10.35	17.02%		16.85	#N/A	#N/A	
AGR	4.19	GIẢM	TĂNG		4.36			3.99	3.71	5.01%	
AMD	1.65	GIẢM	GIẢM		1.73				2.04		
APG	9.00	TĂNG	TĂNG	8.50	8.97	5.88%		9.90	7.90	-9.09%	
ART	2.20	GIẢM	GIẢM		2.48				2.85		

We Create Fortune

BCC	8.00	GIẢM	TĂNG		8.27			7.70	7.70	3.90%	
BCG	6.50	TĂNG	TĂNG	5.82	5.81	11.68%		6.39	5.41	1.72%	
C69	20.70	TĂNG	TĂNG	8.80	19.42	135.23%		5.30	15.89	290.57%	
CCL	7.64	TĂNG	TĂNG	6.38	7.02	19.75%		3.46	5.67	120.81%	
CRC	17.00	TĂNG	GIẢM	15.05	16.84	12.96%			17.35		
CVT	19.15	GIẢM	TĂNG		19.69			20.35	18.32	-5.90%	
DAG	6.71	TĂNG	TĂNG	6.55	6.71	2.44%		7.09	5.94	-5.36%	MUA
DAH	12.95	GIẢM	TĂNG		13.87			4.66	11.21	177.65%	
DGW	22.60	GIẢM	TĂNG		22.88			23.50	21.23	-3.83%	
DLG	1.53	GIẢM	GIẢM		1.56				1.65		
DRH	7.07	TĂNG	GIẢM	7.20	6.82	-1.81%			7.76		
DTD	16.90	TĂNG	TĂNG	15.90	14.98	6.29%		12.90	12.45	31.01%	
EVG	2.76	GIẢM	GIẢM		2.90				3.02		
FIT	3.30	GIẢM	TĂNG		3.54			3.64	3.03	-9.34%	
GKM	14.60	GIẢM	GIẢM		15.03			11.42	15.87	38.89%	
HAH	14.80	TĂNG	TĂNG	12.80	13.68	15.63%		13.00	12.04	13.85%	
HAI	1.73	GIẢM	GIẢM		1.82				1.93		
HAP	3.39	GIẢM	TĂNG		3.54			3.67	3.25	-7.63%	
HAR	3.33	GIẢM	GIẢM		3.36			3.71	3.98	7.38%	BÁN
HCD	3.70	GIẢM	GIẢM		3.94				4.34		
HDA	12.70	TĂNG	TĂNG	10.50	12.02	20.95%		11.30	10.94	12.39%	
HDC	18.65	TĂNG	TĂNG	15.25	17.55	22.30%		15.25	14.22	22.30%	
HHP	11.70	GIẢM	GIẢM		12.26				13.79		
HHS	3.16	GIẢM	GIẢM		3.19				3.54		
HII	11.00	GIẢM	GIẢM		11.71				12.54		
HQC	1.37	TĂNG	GIẢM	1.43	1.36	-4.20%			1.50		
HSL	7.89	TĂNG	GIẢM	8.10	7.56	-2.59%			9.33		
HUT	2.40	TĂNG	GIẢM	2.40	2.37	0.00%	MUA		2.97		
HVG	2.68	GIẢM	GIẢM		2.97				4.13		
HVH	27.15	TĂNG	#N/A	27.05	25.94	0.37%			#N/A		
JVC	2.66	GIẢM	GIẢM		2.79				3.12		
KLF	1.20	GIẢM	GIẢM		1.51				1.68		
KMR	2.84	GIẢM	TĂNG		2.92			3.68	2.65	-22.83%	
LCG	9.80	GIẢM	GIẢM		10.25				11.41		
LGL	9.98	GIẢM	TĂNG		10.43			7.11	8.90	40.30%	
LHG	18.60	TĂNG	TĂNG	18.70	17.94	-0.53%		19.30	17.32	-3.63%	
LMH	16.85	GIẢM	#N/A		17.44			-	#N/A		
MST	2.50	GIẢM	GIẢM		2.66				3.30		
NDN	18.50	TĂNG	TĂNG	14.10	17.39	31.21%		13.10	14.96	41.17%	

We Create Fortune

PHC	12.55	GIẢM	GIẢM		12.88				13.84		
PVB	21.90	TĂNG	TĂNG	20.20	20.45	8.42%		20.10	17.72	8.96%	
PVC	7.50	GIẢM	TĂNG		7.75			7.10	6.67	5.63%	
PXL	5.20	GIẢM	GIẢM		5.72				7.09		
PXS	6.02	TĂNG	TĂNG	5.70	5.61	5.61%		4.85	5.02	24.12%	
QBS	3.18	TĂNG	GIẢM	3.08	2.65	3.25%			3.36		
SFG	9.11	GIẢM	GIẢM		9.71				12.67		
SHI	8.67	TĂNG	TĂNG	8.39	8.03	3.34%		6.23	7.47	39.11%	
SJF	2.90	GIẢM	GIẢM		3.17				3.88		
SKG	11.45	GIẢM	GIẢM		11.79				12.61		
TDH	9.15	GIẢM	GIẢM		9.35			11.65	9.17	-21.29%	
TIG	3.10	GIẢM	TĂNG		3.31			3.20	3.03	-3.13%	
TLD	5.10	GIẢM	GIẢM		5.46				6.07		
TLH	4.65	TĂNG	GIẢM	4.70	4.49	-1.06%		5.85	5.16	-11.73%	
TNI	10.20	GIẢM	GIẢM		10.80				11.98		
TTF	3.12	GIẢM	GIẢM		3.13			3.99	3.70	-7.16%	
TTH	3.80	GIẢM	GIẢM		3.83				4.27		
TVB	21.60	TĂNG	TĂNG	17.40	20.00	24.14%		20.10	17.56	7.46%	MUA
TVC	15.10	TĂNG	TĂNG	12.50	14.21	20.80%		14.30	12.80	5.59%	MUA
VC3	22.80	GIẢM	TĂNG		23.09			22.00	21.35	3.64%	
VCR	20.80	TĂNG	GIẢM	20.50	16.32	1.46%			25.98		
VNE	3.06	GIẢM	GIẢM		3.23				4.12		
VPG	21.40	TĂNG	TĂNG	21.40	21.07	0.00%	MUA	20.46	19.34	4.62%	
VRC	15.10	TĂNG	GIẢM	15.40	14.39	-1.95%			16.26		
YBM	10.15	GIẢM	GIẢM		11.37				12.01		

We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)

	Điểm	Chg%
VNI	974.34	-0.09%
VN30	878.62	0.32%
VN Mid	964.85	0.68%
VN Small	821.19	-0.12%

Sàn GDCK Hà Nội (HSX)

	Điểm	Chg%
HNI	102.79	-0.11%
HN30	190.89	0.10%
VNX AllSh	855.34	0.21%

Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)

	Điểm	Chg%
UPCoM	58.43	0.12%

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	352.83	
Bán	454.99	
GT ròng	-102.16	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	6.61	
Bán	34.70	
GT ròng	-28.09	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	29.30	
Bán	35.67	
GT ròng	-6.37	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
DXG	1050	6.95%
YEG	3400	6.94%
PME	3700	6.85%
DVP	2700	6.24%
HDB	1300	5.20%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
HUT	200	9.09%
L14	2400	3.78%
PVI	1300	3.53%
SHS	200	2.35%
VCR	300	1.46%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
NHH	3300	14.86%
SGP	1500	13.89%
VEC	1500	10.95%
OIL	800	7.34%
HTM	700	5.04%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
TIP	-1200	-3.04%
CII	-650	-3.00%
TLG	-1800	-2.95%
BVH	-1900	-2.38%
STK	-500	-2.29%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
IDV	-3100	-7.56%
DGC	-400	-1.27%
NTP	-500	-1.20%
TNG	-200	-1.07%
PVS	-200	-0.95%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
SAS	-3100	-7.19%
VGI	-1100	-3.04%
IDC	-500	-2.27%
MPC	-600	-1.67%
VCP	-600	-1.52%

*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG >1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	408,204	
VCB	291,147	
VHM	283,034	
VNM	210,533	
GAS	193,309	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACB	35,669	
VCS	13,406	
VCG	11,705	
PVS	10,037	
PVI	8,505	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACV	185,916	
VGI	110,070	
VEA	76,746	
GVR	66,520	
MCH	55,735	

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
HNG	30,783,310	7,897,265
ROS	19,215,620	15,810,043
ITA	7,717,860	3,771,558
FLC	5,629,808	4,623,202
VIC	4,719,545	1,817,558

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
HUT	2,905,912	1,088,964
VCG	2,356,614	998,300
SHB	2,219,241	4,696,541
PVS	2,186,250	3,354,196
OCH	1,522,830	279,126

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
SDD	4,436,760	198,122
SIP	1,674,097	230,457
VIB	1,526,914	926,235
GTS	1,247,500	127,742
GEG	1,044,503	856,740

Nguồn: Bloomberg & YSVN

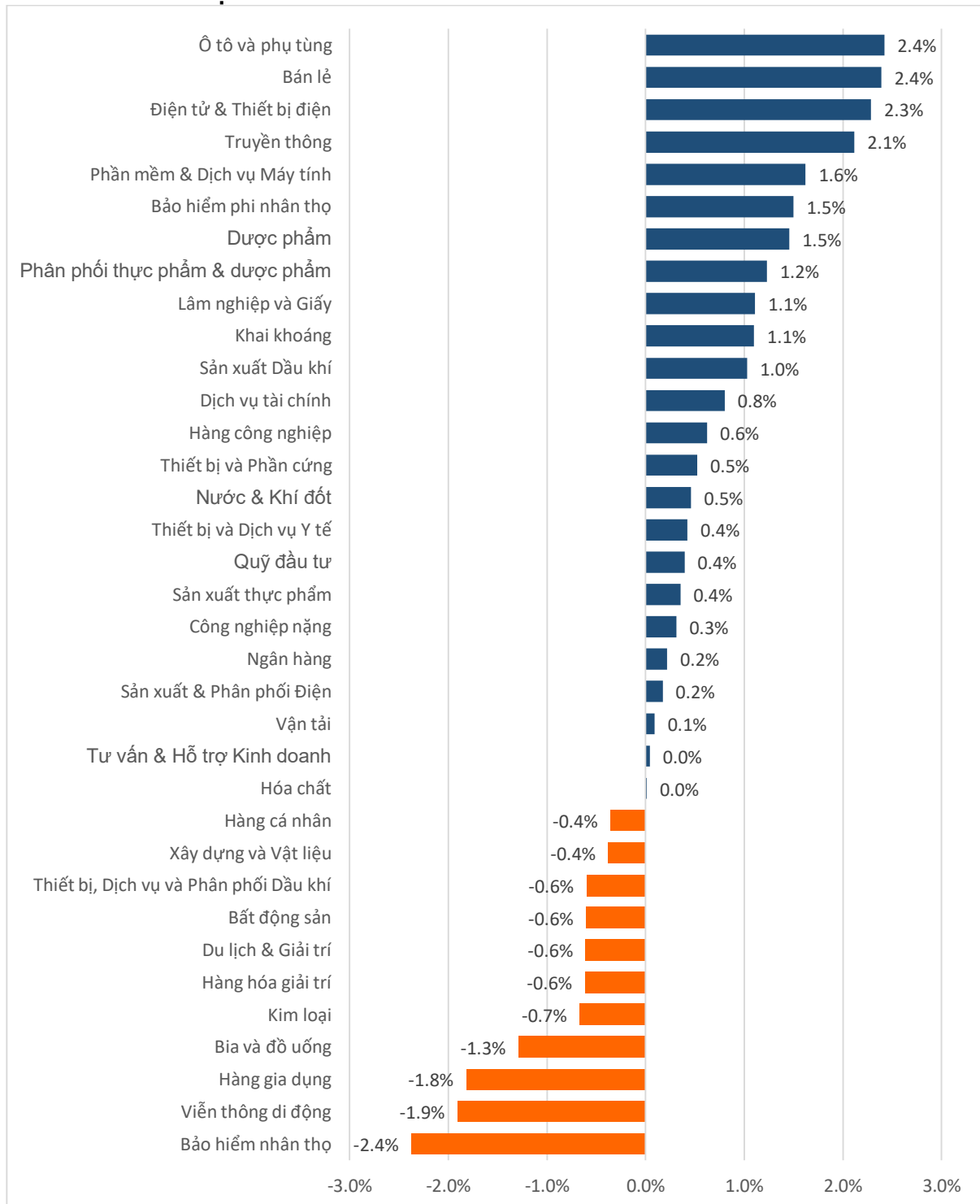
Nguồn: Bloomberg & YSVN

Nguồn: Bloomberg & YSVN



We Create Fortune

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH CÁC NHÓM NGÀNH



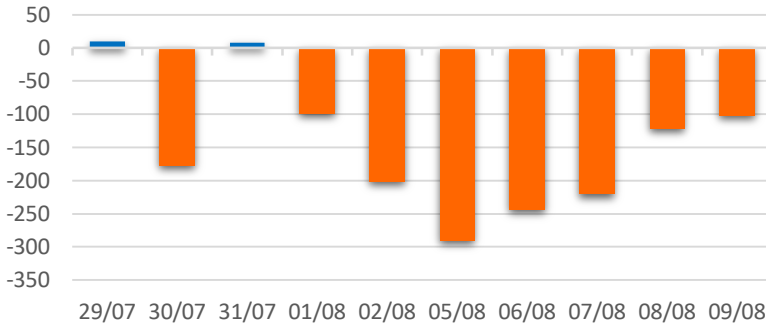
Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

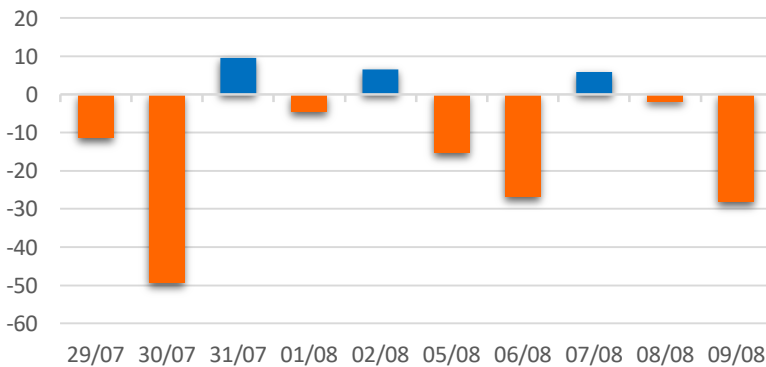
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
HDB	29,987	E1VFN30	43,525
VRE	14,323	VJC	43,346
PTB	10,818	VPI	21,011
VIC	8,172	STB	14,135
PVD	6,067	HVN	8,155

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

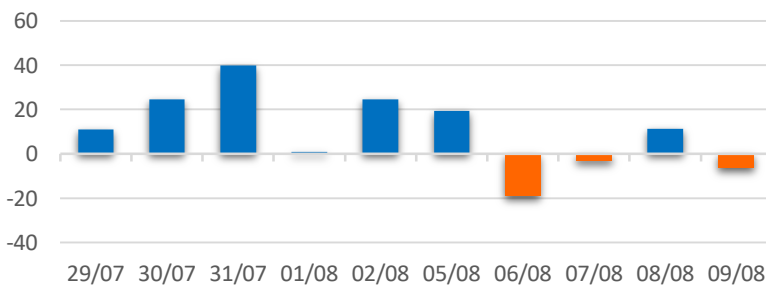
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
SHB	1,300	ACB	15,511
PVI	1,192	PVS	7,186
DGC	1,046	VCG	3,953
SLS	115	TNG	3,938
CIA	74	HMH	942

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại
UPCOM



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
QNS	3,361	BCM	4,499
VEA	1,556	VGI	2,956
VCW	247	SAS	1,389
ACV	236	BSR	992
ABI	163	VTP	787

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM

Nguồn: FiinPro – YSVN



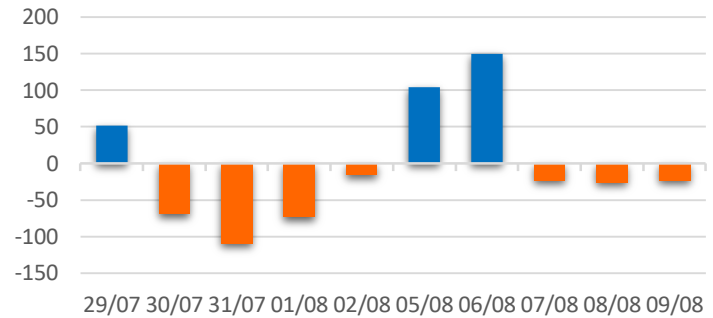
We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

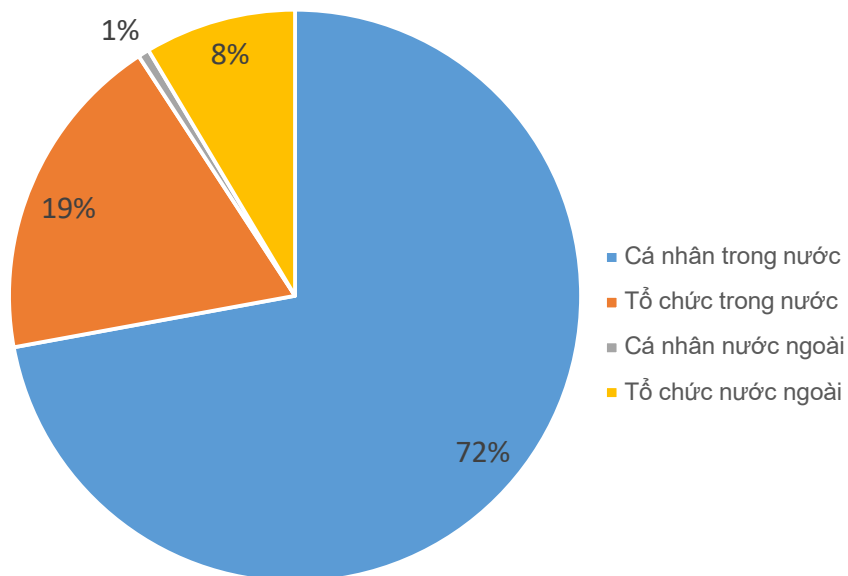
Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
E1VFN30	43,773	VNM	8,899
HPG	9,049	VIC	7,627
MBB	4,340	MWG	6,937
MWG	4,012	TCB	6,620
EIB	3,104	PNJ	6,519

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng (tỷ đồng)



CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

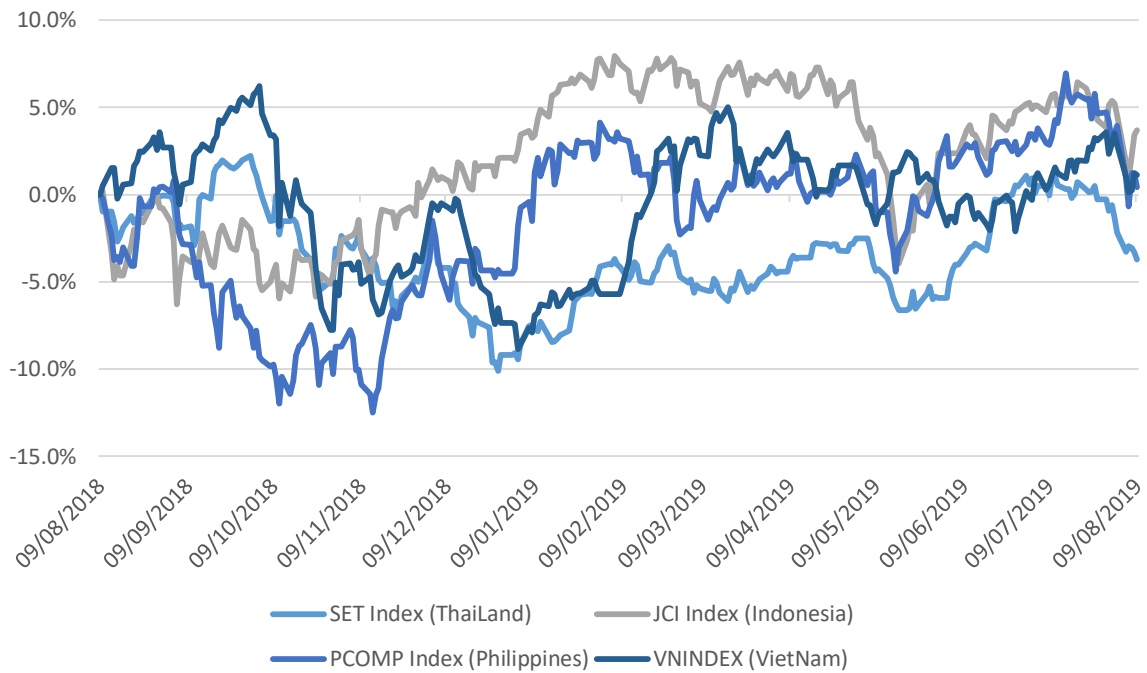


Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create Fortune

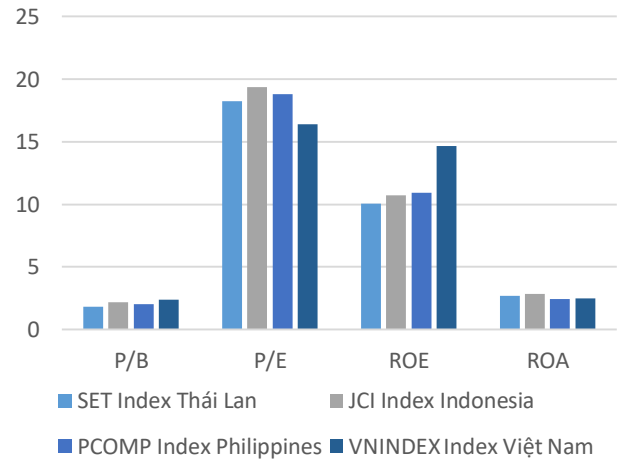
Diễn biến các thị trường trong khu vực



Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		1.8x	2.2x	2.0x	2.4x
P/E		18.2x	19.4x	18.8x	16.4x
ROE	%	10.05	10.73	10.90	14.67
ROA	%	2.66	2.83	2.45	2.47
Vốn hóa	Tỷ USD	556.58	508.90	191.29	141.79
GTGD	Triệu USD	1.71	0.49	0.09	0.15
LS cổ tức	%	3.12	2.45	1.68	1.80

Nguồn: Bloomberg & YSVN





We Create **Fortune**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

Nguyễn Thế Minh

Giám đốc Nghiên cứu Phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuanta.com.vn

Quách Đức Khánh

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuanta.com.vn

Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng

Chuyên viên phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuanta.com.vn

Phạm Tấn Phát

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3832

phat.pham@yuanta.com.vn

Đặng Phi Phôn

Chuyên viên phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3893

phon.dang@yuanta.com.vn

Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

Nguyễn Thanh Tùng

Giám đốc Môi giới Hội Sở

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuanta.com.vn

Chung Kim Hoa

Giám đốc Khối khách hàng người Hoa

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuanta.com.vn

Phù Vĩnh Quế

Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn

+84 28 3622 6868

que.phu@yuanta.com.vn

Nguyễn Việt Quang

Giám đốc chi nhánh Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuanta.com.vn

Võ Thị Thu Thủy

Giám đốc chi nhánh Bình Dương

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuanta.com.vn

Bùi Quốc Phong

Giám đốc chi nhánh Đồng Nai

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuanta.com.vn

Nguyễn Đức Hoàn

**Giám đốc trung tâm kinh doanh
Nam Hà Nội**

+84 28 3622 6868 ext 3409

hoan.nguyen@yuanta.com.vn

Võ Đình Tuấn

Giám đốc Chi Nhánh Đà Nẵng

+84 28 3622 6868 ext 3301

tuan.vo@yuanta.com.vn



We Create **Fortune**

Appendix A: Important Disclosures

Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

Ratings Definitions

BUY: We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

HOLD-Outperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

HOLD-Underperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

SELL: We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

Under Review: We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

Restricted: The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or any form or manner, without the express written